

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	733.666	733.666	43.426	43.426	777.092	777.092	
I	Thu nội địa	213.148	213.148	-	-	213.148	213.148	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài							
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)							
5	Thuế thu nhập cá nhân							
6	Thuế bảo vệ môi trường							
7	Lệ phí trước bạ	1.215	1.215			1.215	1.215	
8	Thu phí, lệ phí	196.606	196.606			196.606	196.606	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-					
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	327	327			327	327	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước							
12	Thu tiền sử dụng đất							
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)							
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
16	Thu khác ngân sách							
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	15.000	15.000			15.000	15.000	
II	Thu viện trợ							
III	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			43.426	43.426	43.426	43.426	
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	504.902	504.902	-	-	504.902	504.902	-
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	218.963	218.963			218.963	218.963	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	285.939	285.939	-	-	285.939	285.939	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn sự nghiệp	6.021	6.021			6.021	6.021	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn đầu tư công	279.918	279.918			279.918	279.918	
V	Tiết kiệm chi 10% tạo nguồn CCTL	15.616	15.616			15.616	15.616	

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP ĐẶC KHU THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu			Điều chỉnh kỳ này			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Dự toán trước tiết kiệm chi TX	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm 10% CTX	Dự toán trước tiết kiệm chi TX	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm 10% CTX	Dự toán trước tiết kiệm chi TX	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm 10% CTX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	15.616	718.050	43.426	-	43.426	777.092	15.616	761.476	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	15.616	718.050	43.426	-	43.426	777.092	15.616	761.476	
	Trong đó:										
I	Chi đầu tư phát triển	279.918	-	279.918	43.426	-	43.426	323.344	-	323.344	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	279.918		279.918	43.426		43.426	323.344	-	323.344	
	Trong đó:										
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
1.2	Chi khoa học và công nghệ										
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình										
1.4	Chi văn hóa thông tin										
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn										
1.6	Chi thể dục thể thao										
1.7	Chi bảo vệ môi trường										
1.8	Chi các hoạt động kinh tế										
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể										
1.10	Chi bảo đảm xã hội										
2	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên	445.158	15.616	429.542	-	-	-	445.158	15.616	429.542	-
	Trong đó:										
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	165.178	3.771	161.407			-	165.178	3.771	161.407	
2	Chi khoa học và công nghệ			-				-	-	-	
3	Chi An ninh-Quốc phòng	13.417	602	12.815				13.417	602	12.815	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	31.458	60	31.398				31.458	60	31.398	
5	Chi văn hóa thông tin	13.830	1.040	12.790			-	13.830	1.040	12.790	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.668	267	2.401				2.668	267	2.401	
7	Chi thể dục thể thao	1.475	148	1.327				1.475	148	1.327	
8	Chi bảo vệ môi trường	17.100	1.710	15.390				17.100	1.710	15.390	

[illegible]

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU CÁT HẢI NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 17/NQ- HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu	Điều chỉnh kỳ này	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	1			2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	43.426	777.092	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	213.148	-	213.148	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	213.148		213.148	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	504.902	-	504.902	
-	Thu bổ sung cân đối	218.963		218.963	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	285.939	-	285.939	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn sự nghiệp	6.021	-	6.021	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn đầu tư công	279.918		279.918	
III	Tiết kiệm 10% chi TX tạo nguồn CCTL	15.616		15.616	
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		43.426	43.426	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	43.426	777.092	
I	Tổng chi cân đối ngân sách đặc khu	733.666	43.426	777.092	
1	Chi đầu tư phát triển	279.918	43.426	323.344	
2	Chi thường xuyên	445.158	-	445.158	
3	Dự phòng ngân sách	8.590	-	8.590	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi viện trợ				
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu				
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau				